

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ
đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 100/2007/NQ-HĐND ngày 14/12/2007 của HĐND tỉnh Khóa VII và một số chính sách xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011- 2015, định hướng đến 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi học hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam tiếp tục được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ đi học theo Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KT VB QPPL);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban của Đảng;
- UB MTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH Quảng Nam;
- CPVP;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, NC.



Lê Phước Thanh

QUY ĐỊNH

Cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm vật chất của cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng lương từ ngân sách tỉnh Quảng Nam, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng (gọi tắt là đi học); những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn để đào tạo nguồn cán bộ chủ chốt ở xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức quy định tại khoản 1 và 2 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh và ở cấp huyện của tỉnh Quảng Nam.

2. Viên chức theo quy định tại Điều 2 Luật Viên chức đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Nam.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức.

5. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã.

6. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

7. Người tốt nghiệp đại học hệ chính quy được tuyển chọn để đào tạo nguồn cán bộ chủ chốt ở xã.

Dưới đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức và viết tắt là CBCC.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng CBCC phải căn cứ vào vị trí việc làm; tiêu chuẩn chức danh CBCC; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển đội ngũ CBCC các cấp phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

2. Đào tạo CBCC có trình độ sau đại học nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới.

Chương II CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

Mục 1

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ BỒI DƯỠNG

Điều 4. Đối tượng, điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Quy định này đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng cấp huyện (và tương đương) trở lên và dự nguồn cho các chức danh này được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi học:

a) Lý luận chính trị trình độ cao cấp.

b) Chuyên môn trình độ đại học các chuyên ngành xây dựng Đảng, công tác đoàn thể, dân tộc, tôn giáo (trừ đi học đại học hệ đào tạo từ xa).

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng cấp huyện và dự nguồn cho các chức danh này đi học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý có thời gian tập trung học tập từ 01 tháng trở lên; hoặc đối tượng này thuộc 6 huyện miền núi cao (Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang) đi học chuyên môn trình độ đại học (trừ đi học đại học hệ đào tạo từ xa) chuyên ngành đào tạo phù hợp với công việc đang đảm nhận, thỏa mãn điều kiện: nữ không quá 39 tuổi; nam không quá 44 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo và có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại tỉnh Quảng Nam sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 3 lần thời gian đào tạo.

3. Ở xã:

a) Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy định này có tuổi đời không quá 39 tuổi đối với nữ và không quá 44 tuổi đối với nam tính từ thời điểm cử đi đào tạo; có cam kết công tác tại xã sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

b) Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này nằm trong quy hoạch dự nguồn cán bộ xã, có tuổi đời không quá 35 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo; có thời gian công tác tại xã ít nhất 05 năm và có cam kết công tác tại xã sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

(các điều kiện quy định tại điểm a và b khoản này không áp dụng đối với trường hợp đi học lý luận chính trị)

Được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi học: Lý luận chính trị trình độ từ sơ cấp trở lên; chuyên môn trình độ đại học, cao đẳng (trừ đi học bằng thứ 2 cùng trình độ hoặc học hệ đào tạo từ xa) chuyên ngành đào tạo phù hợp với công việc đang đảm nhận; bồi dưỡng có thời gian tập trung học tập từ 01 tháng trở lên.

Điều 5. Mức hỗ trợ

1. Sinh hoạt phí

a) Đi học chuyên môn và bồi dưỡng: Đối tượng quy định tại Điều 2 Quy

định này thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này được hỗ trợ 300.000đồng/người/tháng tập trung học tập; ngoài ra:

- Nếu CBCC là người dân tộc thiểu số thì được hỗ trợ thêm 100.000đồng/người/tháng.

- Nếu CBCC là nữ thì được hỗ trợ thêm 100.000đồng/người/tháng.

- Nếu là nữ trong thời gian đi học phải nuôi con nhỏ dưới 25 tháng tuổi thì được hỗ trợ thêm 300.000đồng/người/tháng.

b) Đi học lý luận chính trị

- Học cử nhân, cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung (ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm ngoài mức hỗ trợ hằng tháng do các cơ sở đào tạo chi trả theo Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW ngày 30/3/2005 của Ban Tổ chức Trung ương); Học tại Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (tại Hà Nội) được hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng; Học tại Học viện Chính trị-Hành chính Khu vực III (tại Đà Nẵng) được hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

- Học cao cấp lý luận chính trị - hành chính hệ vừa làm vừa học (do Học viện Hành chính Khu vực III mở tại tỉnh Quảng Nam) và học trung cấp lý luận chính trị-hành chính thì được hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng. Ngoài ra, các đối tượng sau đây được hỗ trợ thêm: Nếu là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì được hỗ trợ thêm 0,2 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng; nếu là nữ đang nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi thì được hỗ trợ thêm 0,3 lần mức lương tối thiểu chung/người/tháng.

Chi hỗ trợ cho một người trong một năm học tối đa không quá 10 tháng tập trung học tập.

2. Tiền học phí

a) Đi học chuyên môn và bồi dưỡng

- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này thỏa mãn các quy định tại khoản 1 và 2 Điều 4 Quy định này được thanh toán 50% tiền học phí.

- Đối tượng quy định tại khoản 4 và 5 Điều 2 Quy định này thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này được thanh toán 70% tiền học phí. Đối tượng này nếu là người dân tộc thiểu số thì được thanh toán 100% tiền học phí.

b) Đi học lý luận chính trị: Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 2 Quy định này thỏa mãn các quy định tại Điều 4 Quy định này được thanh toán 100% tiền học phí.

Căn cứ để thanh toán tiền học phí là phiếu thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá mức trần học phí theo quy định hiện hành của nhà nước (Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015).

3. Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập, thanh toán tiền chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày tập trung học tập: căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, cơ quan, đơn vị cử CBCC đi học sử dụng từ nguồn kinh phí

chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho CBCC đi học đảm bảo nguyên tắc các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí (Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập).

Điều 6. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền quyết định cử CBCC đi học

1. Hồ sơ, thủ tục

Ngoài các hồ sơ theo quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, sau khi có thông báo nhập học, cơ quan sử dụng CBCC lập hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định cử CBCC đi học; hồ sơ gồm có:

a) Công văn đề nghị quyết định (hoặc thoả thuận) cử CBCC đi học.

b) Giấy báo nhập học của cơ sở đào tạo.

c) Bản cam kết phục vụ công tác sau khi kết thúc khóa đào tạo.

d) Tuỳ theo đối tượng, nộp một trong các quyết định sau (bản photocopy):

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc phê duyệt chức danh dự nguồn.

- Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử (đối với cán bộ cấp xã); Quyết định tuyển dụng vào công chức cấp xã.

- Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này nộp quyết định tuyển dụng vào chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã và bảng danh sách quy hoạch chức danh dự nguồn của xã (có xác nhận của Ban Tổ chức Huyện ủy, Thành ủy).

2. Thẩm quyền quyết định cử CBCC đi học:

a) Đi học chuyên môn trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và bồi dưỡng:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử CBCC (khỏi nhà nước) thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi học.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cử CBCC (khỏi nhà nước và cán bộ, công chức xã; những người hoạt động không chuyên trách ở xã) thuộc thẩm quyền quản lý đi học đại học, cao đẳng, trung cấp sau khi có thoả thuận của Giám đốc Sở Nội vụ và cử đi bồi dưỡng.

- Quyết định cử CBCC công tác trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội của tỉnh đi học chuyên môn và bồi dưỡng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

b) Quyết định cử CBCC đi học lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Điều 7. Hỗ trợ đi học các lớp bồi dưỡng có thời gian tập trung học tập dưới 01 tháng

Đối tượng quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 2 Quy định này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC (Thông tư số 139/2010/TT-

BTC ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức).

Mục 2 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC Ở TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CBCC

Điều 8. Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước (bao gồm tiến sĩ; thạc sĩ; bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa II; bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa I)

Đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 2 Quy định này thỏa mãn các điều kiện sau đây thì được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học:

1. Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, nằm trong danh mục các ngành tinh có nhu cầu đào tạo CBCC có trình độ sau đại học phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy (nếu tốt nghiệp đại học hệ đào tạo tại chức, chuyên tu thì phải xếp loại khá, giỏi) chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau đại học.

3. Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên, trong đó có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, tính đến thời điểm cử đi đào tạo hoặc có thời gian công tác từ đủ 03 (ba) năm nếu 02 (hai) năm liền đạt danh hiệu từ chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên.

4. Đối với người được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu tuổi đời không quá 40 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo. Trường hợp cử đi học sau đại học từ lần thứ hai trở đi, người được cử đi học phải còn đủ tuổi để phục vụ công tác ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo tính từ khi tốt nghiệp khóa đào tạo.

5. Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại tỉnh Quảng Nam sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo đối với cán bộ, công chức; gấp 02 lần thời gian đào tạo đối với viên chức, nhưng không dưới 05 năm.

6. Có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức tổ chức kỷ luật; có triển vọng trở thành cán bộ quản lý, chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi.

Các điều kiện quy định tại khoản 2 và 3 Điều này không áp dụng đối với CBCC là người dân tộc thiểu số.

Điều 9. Mức hỗ trợ

1. Các khoản và mức hỗ trợ

a) Nghiên cứu sinh tiến sĩ: Hỗ trợ sinh hoạt phí 800.000đồng/người/tháng; thanh toán tối đa 03 năm, mỗi năm 10 tháng (hệ đào tạo chính quy tập trung hoặc chính quy không tập trung). Hỗ trợ tiền làm và bảo vệ luận án tốt nghiệp 15.000.000đồng/người.

b) Thạc sĩ; bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa II: Hỗ trợ sinh hoạt phí 600.000đồng/người/tháng; thanh toán tối đa 02 năm, mỗi năm 10 tháng (hệ đào

tao chính quy tập trung hoặc chính quy không tập trung). Hỗ trợ tiền làm và bảo vệ luận án tốt nghiệp 7.000.000đồng/người.

c) Bác sĩ, được sĩ chuyên khoa I. Hỗ trợ sinh hoạt phí 500.000đồng/người/tháng; thanh toán tối đa 02 năm, mỗi năm học 10 tháng (hệ đào tạo tập trung hoặc không tập trung). Hỗ trợ tiền làm và bảo vệ luận án tốt nghiệp 5.000.000đồng/người.

2. Thanh toán 50% tiền học phí.

- Căn cứ để thanh toán tiền học phí là phiếu thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá mức trần học phí theo quy định hiện hành của nhà nước (Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ).

- Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập, thanh toán tiền chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày tập trung học tập: Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, cơ quan, đơn vị cử CBCC đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho CBCC đi học đảm bảo nguyên tắc các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí (Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập).

Điều 10. Trình tự thủ tục và thẩm quyền quyết định cử đi học sau đại học

1. Hồ sơ, thủ tục: Sau khi có thông báo nhập học của cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp CBCC lập hồ sơ, thủ tục gửi Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Nam. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy báo nhập học của cơ sở đào tạo.

b) Quyết định tuyển dụng vào công chức, viên chức; quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử (đối với cán bộ).

c) Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học.

(các giấy tờ trên nộp bản photocopy)

d) Công văn đề nghị cử CBCC đi học sau đại học của cơ quan trực tiếp quản lý CBCC.

đ) Bản cam kết phục vụ công tác tại tỉnh Quảng Nam sau khi kết thúc khóa đào tạo.

2. Thẩm định hồ sơ và quyết định cử CBCC đi học sau đại học: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu đúng đối tượng và đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 Quy định này, Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Quảng Nam dự thảo quyết định cử CBCC đi học kèm theo tờ trình gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cử CBCC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (khỏi nhà nước) thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi học; Giám đốc Sở Nội vụ ban hành quyết định cử CBCC (khỏi nhà nước) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi học.

c) Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định cử CBCC công tác trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội của tỉnh đi học theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Mục 3

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGUỒN CÁN BỘ CHỦ CHỐT XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 11. Đối tượng, điều kiện

Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 Quy định này (sau đây gọi tắt là ứng viên Đề án 500) thỏa mãn các điều kiện:

1. Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam hoặc có cha, mẹ đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Nam.
2. Có phẩm chất đạo đức tốt, bản thân và gia đình chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Có tuổi đời dưới 30 tuổi tính đến thời điểm cử đi đào tạo.
4. Tốt nghiệp đại học hệ chính quy. Riêng đối với người dân tộc thiểu số hoặc người kinh có hộ khẩu thường trú tại xã miền núi từ 05 năm trở lên thì được xem xét đối với trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học hệ cử tuyển.
5. Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí chức danh cán bộ, công chức dự kiến bổ trí công tác sau khi kết thúc khóa đào tạo 12 tháng.
6. Có cam kết phục vụ công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất 07 năm sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.
7. Có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu sơ tuyển về ngoại hình.
8. Chấp hành sự điều động, phân công, bổ trí công tác của cơ quan quản lý cán bộ, công chức.
9. Được Ban Điều hành Đề án 500 tuyển chọn để đào tạo nguồn cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn.

Điều 12. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau khi được tuyển chọn: Kinh phí tinh chi trả các khoản tiền học phí, tài liệu học tập, văn phòng phẩm. Hỗ trợ tiền ăn và sinh hoạt phí mức 2.000.000 đồng/người/tháng (nếu là cán bộ, công chức xã được tuyển chọn đi đào tạo mà có mức lương dưới 2.000.000 đồng/tháng thì ngân sách tỉnh cấp thêm đủ 2.000.000 đồng/tháng), khoản tiền này tăng thêm 10% khi mức lương tối thiểu của Nhà nước tăng thêm. Có chế độ khen thưởng đối với 10% học viên/lớp có thành tích học tập, rèn luyện tốt nhất trong tháng.
2. Hỗ trợ lần đầu và hàng tháng sau khi về nhận công tác tại UBND cấp xã (thời gian hỗ trợ không quá 05 năm):

TT	Hệ số phụ cấp khu vực của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ lần đầu (so với mức lương tối thiểu chung)	Hỗ trợ hàng tháng (so với mức lương tối thiểu chung)
1	Từ 0,5 trở lên	20 lần	02 lần
2	Từ 0,3 đến 0,4	17 lần	1,7 lần
3	Từ 0,1 đến 0,2	14 lần	1,4 lần
4	Các xã còn lại	10 lần	01 lần

Điều 13. Tuyển chọn; hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền quyết định cử đi học và bố trí sử dụng

Thực hiện theo Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quy chế tuyển chọn, đào tạo, bố trí sử dụng học viên thuộc Đề án "Tuyển chọn, đào tạo nguồn cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2016".

Chương III QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CỬ ĐI HỌC

Điều 14. Quyền lợi, nghĩa vụ của người được cử đi học

1. Quyền lợi: Được cơ quan quản lý, sử dụng CBCC bố trí thời gian và kinh phí theo quy định; thời gian đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian công tác liên tục; được hưởng nguyên lương và phụ cấp chức vụ trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng; được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

2. Nghĩa vụ: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc khoá học, người được cử đi học phải báo cáo kết quả học tập cho cơ quan quyết định cử đi học và cho Thủ trưởng đơn vị đang công tác.

Điều 15. Bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối tượng quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 2 Quy định này: Bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này: Bồi hoàn chi phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 Quy định này (ứng viên Đề án 500):

a) Trường hợp bồi hoàn và mức bồi hoàn:

Chi phí đào tạo được cấp bao gồm: học phí, các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa đào tạo và các khoản kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này đã được ngân sách nhà nước cấp.

Chi phí bồi hoàn bao gồm: chi phí đào tạo được cấp và các khoản kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này đã được ngân sách nhà nước cấp.

- Bồi hoàn 100% chi phí đào tạo được cấp trong các trường hợp: Tự ý bỏ học hoặc không tốt nghiệp khóa đào tạo; tốt nghiệp khóa đào tạo nhưng không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với ứng viên của Đề án 500 chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo quy định (7 năm) mà tự ý bỏ việc thì số tiền bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó: S là số tiền phải bồi hoàn.

F là chi phí bồi hoàn.

T1 là thời gian làm việc theo quy định (7 năm=84 tháng).

T2 là thời gian đã làm việc (tính bằng số tháng đã làm tròn).

b) Hội đồng xét bồi hoàn

- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét bồi hoàn.

- Hội đồng bao gồm:

+ Giám đốc Sở Nội vụ làm Chủ tịch Hội đồng.

+ Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh (trường hợp ứng viên Đề án 500 còn đang học) hoặc Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (trường hợp ứng viên Đề án 500 đã tốt nghiệp và được phân công công tác về địa phương) làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

+ Trưởng phòng Xây dựng Chính quyền-Sở Nội vụ, làm Thư ký Hội đồng.

+ Trưởng Phòng Nội vụ huyện, thành phố làm ủy viên (trường hợp ứng viên đã được phân công công tác về xã).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn làm ủy viên (trường hợp ứng viên đã được phân công công tác về xã).

+ Trưởng bộ phận tài chính - kế toán của cơ quan chi trả các khoản chi phí đào tạo, chi phí hỗ trợ lần đầu, hàng tháng làm ủy viên.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Thảo luận về trường hợp bồi hoàn và chi phí bồi hoàn.

- Xem xét mức giảm chi phí bồi hoàn (nếu có).

- Thống nhất số tiền mà ứng viên Đề án 500 phải đền bù, trình Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến về số tiền người vi phạm hợp đồng đào tạo phải bồi hoàn.

d) Quyết định việc bồi hoàn: Căn cứ ý kiến thống nhất của Chủ tịch UBND tỉnh về số tiền người vi phạm hợp đồng đào tạo phải bồi hoàn, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh (trường hợp ứng viên Đề án 500 còn đang học), Chủ tịch UBND huyện, thành phố (trường hợp ứng viên Đề án 500 đã tốt nghiệp và được phân công công tác về địa phương) ban hành quyết định bồi hoàn.

đ) Trả và thu hồi chi phí bồi hoàn

- Chậm nhất trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định bồi hoàn của cơ quan có thẩm quyền, ứng viên Đề án 500 có trách

nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn cho cơ quan ban hành quyết định bồi hoàn. Chi phí bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước về quản lý khoản thu hồi nộp ngân sách.

- Trường hợp ứng viên Đề án 500 không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan ban hành quyết định bồi hoàn có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp người có trách nhiệm bồi hoàn chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn theo thời hạn thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Nếu Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì người chịu trách nhiệm bồi hoàn phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Lập danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học

1. Thủ trưởng các địa phương, đơn vị có trách nhiệm lập danh mục các chuyên ngành cần đào tạo cán bộ có trình độ sau đại học của địa phương, đơn vị mình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) vào tháng 10 hàng năm.

2. Sở Nội vụ tổng hợp danh mục các chuyên ngành đào tạo sau đại học, báo cáo Hội đồng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành vào tháng 12 hàng năm.

Điều 17. Xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm, Thủ trưởng các địa phương, đơn vị xây dựng quy hoạch, kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm sau của đơn vị gửi Sở Nội vụ (khỏi Nhà nước) hoặc gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khỏi Đảng). Riêng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ và những người hoạt động không chuyên trách làm công tác đảng và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch (sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Huyện ủy, Thành ủy) và báo cáo về Sở Nội vụ.

2. Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc khối Nhà nước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, tổng hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị của các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng (kể cả học lý luận chính trị thuộc khối nhà nước) gửi Sở Nội vụ.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC của tỉnh báo cáo Hội đồng Đào tạo cán bộ, công chức tỉnh trước ngày 15 tháng 10 và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCC trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

4. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy lập dự toán kinh phí đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 18. Cấp phát, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Cấp phát kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Căn cứ vào dự toán ngân sách chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đề nghị của các địa phương, đơn vị, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, thẩm định kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm tra, tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho từng đơn vị, địa phương. Cụ thể,

a) Kinh phí cấp để mở lớp đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đi học chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCC khối nhà nước do Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định gửi Sở Tài chính thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Kinh phí cấp để mở lớp đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đi học chuyên môn, lý luận chính trị cho CBCC khối đảng (kể cả cho CBCC khối nhà nước đi học lý luận chính trị) do Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, thẩm định gửi Sở Tài chính thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Kinh phí đào tạo, kinh phí chi trợ cấp một lần và hàng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 2 Quy định này thực hiện như sau:

- Kinh phí đào tạo trung cấp lý luận chính trị-hành chính: Trên cơ sở đề nghị của Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho Trường Chính trị.

- Kinh phí hỗ trợ lần đầu và hàng tháng cho ứng viên sau khi về nhận công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã: Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Sở Nội vụ thẩm định, gửi Sở Tài chính thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCC thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Cuối năm, quyết toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCC được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán ngân sách của địa phương, đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều 19. Chế độ kiểm tra, báo cáo

1. Kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCC của các địa phương đơn vị khối Nhà nước.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình

thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCC của các cơ quan thuộc khối Đảng.

2. Chế độ báo cáo

- Ngày 30 tháng 11 hàng năm, các địa phương, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp và gửi báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC về Sở Nội vụ (khối Nhà nước) về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (khối Đảng)

- Ngày 15 tháng 12 hàng năm, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC khối Đảng gửi Sở Nội vụ tổng hợp thành báo cáo năm của tỉnh để báo cáo Bộ Nội vụ, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Phước Thanh